

Bản án số: 194/2024/DS - ST

Ngày: 19/12/2024

V/v: “TrA chấp ly hôn”

NHÂN DA**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN A, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Lê Văn Lil.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều A là thư ký Tòa án nhân dân A, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân A tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa
- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2024/TLST – DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “TrA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1982;

Bị đơn: A Cao Văn H, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện A, tỉnh B

(Chị Kim A có đơn xin vắng mặt; A H vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị Kim A trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2002 A chị tự nguyện yêu thương sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Điền, A, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn cải vã cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện A chị đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân A chị cũng không có biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Kim Ngân, sinh năm 2001 và Cao Minh Lượng, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân A, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim A được ly hôn với A Cao Văn H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Kim A phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân A về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với A Cao Văn H, có địa chỉ cư trú tại ấp Cây Giang A, xã Long Điền, A, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân A, tỉnh B.

Chị Trần Kim A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; A Cao Văn H vắng mặt không lý do lần thứ 02. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 A chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa A chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập A Cao Văn H nhiều lần nhưng A H vắng mặt không lý do. Do đó, A tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của A, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của chị Kim A. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa A chị không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim A là phù hợp.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim A phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị Kim A đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010715 ngày 16/10/2024 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim A được ly hôn với A Cao Văn H.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim A phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị Kim A đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010715 ngày 16/10/2024 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND A;
- Chi Cục THA.DS A;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý